TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST Ngày: 06/12/2021 *"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG – TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vương Đức Quân

2. Ông Sùng Seo Chử

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vàng Thị Gi, sinh năm 1995, Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, vắng mặt, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Giàng Pháng L, sinh năm 1989, Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 9 năm 2021 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vàng Thị Gi trình bày: Chị và anh Giàng Pháng L về chung sống với nhau năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, mà chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Hôn nhân của anh chị là tự nguyện, có tìm hiểu, không do bên nào ép buộc. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ

tháng 01 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo động viên, nhưng tình cảm không hàn gắn được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng Páng L.

Về con: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Giàng Dùng S, sinh ngày 23/5/2012 và cháu Giàng Dùng Th sinh ngày 23/4/2014, khi ly hôn chị có nguyện vọng để anh Giàng Páng L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại chị không có việc làm và không có chỗ ở ổn định.

Về tài sản và công nợ: chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ghi lời khai, và quá trình hòa giải tại Tòa án bị đơn anh Giàng Páng L trình bày: anh và chị Gi tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, anh chị có làm đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi lấy nhau anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, chị Gi thường xuyên bỏ bê không quan tâm đến gia đình chồng con, anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nay chị Gi làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn anh có nguyện vọng về đoàn tụ để nuôi con, đề nghị tòa án xem xét. Về con: Anh chị có 02 con chung như chị Gi đã trình bày, hiện nay cả hai cháu đang đi học và ở cùng anh tại Thôn T, xã C. Nay chị Gi khởi kiện xin ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu đến tuổi trưởng thành, yêu cầu chị Gi cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, tổng số tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cả hai cháu là 2.000.000 đồng. Về tài sản và công nợ: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Giàng Dùng Th và cháu Giàng Dùng S, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với bố.

Do chị Vàng Thị Gi và anh Giàng Páng L không có đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân, mà chỉ tiến hành hòa giải về nuôi con chung. Tại phiên hòa giải ngày 05/11/2021 chị Vàng Thị Gi và anh Giàng Páng L thỏa thuận giao cả hai con chung của anh chị là cháu Giàng Dùng S, sinh ngày 23/5/2012 và cháu Giàng Dùng Th sinh ngày 23/4/2014 cho anh Giàng Páng L trực tiếp nuôi dưỡng, chị Vàng Thị Gi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cả hai cháu số tiền 1.000.000 đồng/ tháng, cụ thể cấp dưỡng cho cháu Giàng Dùng S số tiền 500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Dùng Th số tiền 500.000 đồng/tháng cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi anh chị có thỏa thuận khác. Về tài sản và công nợ anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị Vàng Thị Gi và anh Giàng Páng L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự đã chấp hành pháp luật đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 53, Điều 14, 15, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị Gi và anh Giàng Páng L. Về con: Giao con chung của anh chị là cháu Giàng Dùng Thắng, sinh ngày 23/4/2014 và cháu Giàng Dùng Sơn, sinh ngày 23/5/2012 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc cho đến khi chị Gi và anh L có thỏa thuận khác; Chị Vàng Thị Gi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng cho cả hai cháu, cụ thể: Cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Dùng Sơn 500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Dùng Thắng 500.000 đồng/tháng, cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc giữa chị Gi và anh L có thỏa thuận khác. Tuyên nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do chị Vàng Thị Gi và anh Giàng Páng L không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị Gi có yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn, do đó tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại là tại Thôn T, xã C, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Vàng Thị Gi và anh Giàng Páng L chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật bảo vệ. Nay chị Gi có yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Mường Khương thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội

đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không không nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị Gi và anh Giàng Pháng L.

[2.2]Về con chung: Chị Vàng Thị Gi và anh Giàng Pháng L đều thừa nhận anh chị có 02 con chung là cháu Giàng Dùng S, sinh ngày 23/5/2012 và cháu Giàng Dùng Th sinh ngày 23/4/2014, hiện cả hai cháu đang ở cùng anh L tại Thôn T, xã C, huyện Mường Khương. Tại phiên hòa giải về nuôi con chung, chị Gi và anh L thỏa thuận để anh L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi trưởng thành, chị Gi có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cả hai cháu số tiền 1.000.000 đồng/ tháng, cụ thể cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Dùng S số tiền 500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Dùng Th số tiền 500.000 đồng/tháng cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi anh chị có thỏa thuận khác. Chị Gi và anh L không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Gi và anh L không có ý kiến thay đổi về nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại đơn khởi kiện xin ly hôn cũng như quá trình hòa giải tại Tòa án, chị Vàng Thị Gi đều có ý kiến nhường quyền nuôi cả hai con cho anh L do chị không có chỗ ở ổn định, không đảm bảo điều kiện chăm sóc cho các con. Anh Giàng Pháng L có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai cháu, yêu cầu chị Gi cấp dưỡng nuôi con chung do anh cũng khó khăn, một mình không đủ điều kiện nuôi cả hai cháu. Tại văn bản ghi ý kiến của cháu Giàng Dùng S và cháu Giàng Dùng Th, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, thỏa thuận về nuôi con chung của chị Vàng Thị Gi và anh Giàng Pháng L là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị Vàng Thị Gi và anh Giàng Pháng L, ghi nhận trong bản án về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Giao cả hai con chung của chị Gi và anh L là cháu Giàng Dùng S, sinh ngày 23/5/2012 và cháu Giàng Dùng Th sinh ngày 23/4/2014 cho anh Giàng Pháng L trực tiếp nuôi dưỡng, chị Vàng Thị Gi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cả hai cháu số tiền 1.000.000 đồng/ tháng, cụ thể cấp dưỡng cho cháu Giàng Dùng S số tiền 500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Dùng Th số tiền 500.000 đồng/tháng cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi anh chị có thỏa thuận khác.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Vàng Thị Gi và anh Giàng Pháng L đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Vàng Thị Gi phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1/ Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị Gi và anh Giàng Pháng L

2/Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Vàng Thị Gi và anh Giàng Pháng L về nuôi con chung như sau: Giao cả hai con chung của chị Gi và anh L là cháu Giàng Dùng S, sinh ngày 23/5/2012 và cháu Giàng Dùng Th sinh ngày 23/4/2014 cho anh Giàng Pháng L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vàng Thị Gi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho cả hai cháu, số tiền 1.000.000 đồng/ tháng, cụ thể: Cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Dùng S số tiền 500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Dùng Th số tiền 500.000 đồng/tháng cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi anh chị có thỏa thuận khác.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây khó khăn ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi dưỡng.

3/Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vàng Thị Gi phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn; 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí là: 450.000 đồng (Bằng chữ: *Bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*). Xác nhận chị Vàng Thị Gi đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai ký hiệu AC-21P số 0006433 ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Chị Gi còn phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lào Cai;
-VKSND Huyện MK, VKSND tỉnh Lào Cai;
-Chi cục THADS huyện Mường Khương;
-Các đương sự;
-UBND xã C;
-Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lý Thị Minh Yên